

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18-12-2024

V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Mây

2. Ông Vi Văn Thuận

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Giàng Thị D, sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: Bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông.

CCCD số: 0101850001xx; Cấp ngày: 12/7/2021; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Lý Seo T, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Dân tộc: Mông.

CCCD số: 0020840000xx; Cấp ngày: 12/7/2021; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2024; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Giàng Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lý Seo T tự do tìm hiểu, yêu đương không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai, hai người sống chung với nhau từ năm 2005, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, hai người sống hòa thuận được một thời gian dài và có 04 con chung. Đến khoảng đầu năm 2021 trở lại đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Nhiều lần chị cũng đã cố chịu đựng và nhường nhịn để giữ hạnh phúc gia đình, chăm lo cho con cái nhưng vẫn không thể cải thiện được. Nay, chị cảm thấy cuộc sống như vậy thật mệt mỏi và bế tắc, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh T nữa và chị cũng cảm nhận anh T cũng không còn tình cảm với chị nữa nên T mới đối xử với chị như vậy. Hiện tại anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng. Nay xét thấy tình cảm không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lý Seo T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 04 con chung là cháu Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016. Sau khi ly hôn chị Thao Thị G đồng ý giao các cháu Lý Bách Sang, Lý Thanh Sơn, Lý Văn Xanh và cháu Lý Seo Súa cho anh Lý Seo Thắng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng/bốn cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Giàng Thị D là người dân tộc thiểu số (H'Mông), thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, nên đề nghị được miễn án phí sơ thẩm.

- Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lý Seo T trình bày:

Về hôn nhân: Bản thân anh đồng ý với ý kiến của chị Giàng Thị D, anh và chị Giàng Thị D về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và cho đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, từ khi hai người đến với nhau thì chung sống tại bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, cuộc sống hoà thuận, hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì hai người hay xảy ra cãi vã lẫn nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một ý kiến. Anh biết việc chị Giàng Thị D nộp đơn lên Tòa án yêu cầu

không công nhận quan hệ vợ chồng. Nay anh xét thấy cũng không còn tình cảm với chị Giàng Thị D, nên đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Giàng Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 04 con chung là cháu Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016. Nay anh yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Lý Bách S, Lý Thanh S, Lý Văn X và cháu Lý Seo S cho đến khi các cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lý Seo T yêu cầu chị Giàng Thị D cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng/bốn cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lập biên bản lấy lời khai của các con chung của đương sự, đều đề ngày 01/11/2024, cháu Lý Bách S, Lý Thanh S, Lý Văn X và cháu Lý Seo S trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố. Nay bố mẹ cháu mà không chung sống với nhau nữa thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố là Lý Seo T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của đương sự: Các đương sự đã tham gia đầy đủ các bước tố tụng, nên các đương sự chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Lý Seo T và chị Giàng Thị D đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Anh, chị có 04 con chung là cháu Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016, hiện tại các cháu đang ở với bố, các cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Anh Lý Seo T và chị Giàng Thị D đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất, đó là: Giao các cháu Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016 cho anh Lý Seo T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận là chị Giàng Thị D phải cấp dưỡng nuôi con chung, hàng tháng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng/bốn cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên chấp nhận đề nghị này.

Về án phí: Miễn án phí cho đương sự.

Đề nghị áp dụng:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115 và Điều 116 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Lý Seo T và chị Giàng Thị D là vợ chồng.

Về con chung: Giao các cháu Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016 cho anh Lý Seo T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D không phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/tháng/04 cháu. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2024 cho đến khi từng cháu đủ 18 tuổi.

Về án phí và kháng cáo: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Giàng Thị D, vì chị D sự là người dân tộc thiểu số (H'Mông) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Lý Seo T đang có hộ khẩu thường trú: Bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú tạm vắng ở nơi khác.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Giàng Thị D là nguyên đơn; anh Lý Seo T là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ

án; triệu tập ghi lời khai; xác minh; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án;

[4] Về hôn nhân: Chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2005. Mặc dù, theo quy định của pháp luật thì anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định, nhưng thực tế từ trước đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Như vậy, chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T không tuân thủ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về Hôn nhân và Gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý.*

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Vì vậy, chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định về việc giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.* Đối chiếu với những quy định nêu trên, việc chị Giàng

Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng với anh Lý Seo T là có căn cứ nên chấp nhận.

Khoản 2 Điều 53 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T là vợ chồng. Nên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T và được giải quyết bằng bản án.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T có 04 con chung là: Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016. Tại biên bản hòa giải ngày 20/11/2024 các đương sự tự nguyện thống nhất giao cả 04 cháu cho anh Lý Seo T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị Giàng Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/04 cháu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận trên, nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Giàng Thị D là người dân tộc thiểu số (H'Mông) thường xuyên sinh sống ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí, nên HĐXX miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148 Bộ luật dân sự;

Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58 Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật HN&GD năm 2014;

Điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị D.

1.1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao các cháu, gồm: Lý Bách S, sinh ngày 08/4/2007; Lý Thanh S, sinh ngày 15/10/2010; Lý Văn X, sinh ngày 20/3/2014 và cháu Lý Seo S, sinh ngày 20/6/2016 cho anh Lý Seo T là trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị D có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lý Seo T mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/01 tháng/04 cháu, cho đến khi từng cháu trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2024.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Giàng Thị D và anh Lý Seo T đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Miễn án dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng trong vụ án HNGĐ cho chị Giàng Thị D.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng